TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 28/06/2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chương - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Thang

2. Ông Nguyễn Anh Đức

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Trang - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì – thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Sơn Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 06 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 05 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1998

HKTT: Số nhà 55 ngõ 11 xã T, huyện T, Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Cụm 3 thôn Q, xã V, huyện T, Hà Nội (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Lệ T- sinh năm 1995

HKTT và chỗ ở: Số nhà 55 ngõ 11 xã T, huyện T, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 28/12/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu Hiền trình bày:***

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Lệ T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/7/2016 tại UBND xã T, huyện T, Hà

Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống tại số nhà 55 ngõ 11 T, huyện T, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau. Anh T chơi bời, không quan tâm chăm sóc đến vợ con. Hiện tại anh chị đã ly thân, chị về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở Cụm 3 thôn Q, xã V, huyện T, Hà Nội. Vợ chồng đã tự khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H không đoàn tụ chung sống với anh T được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29/10/2016. Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Bảo A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị H hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH VKX có tổng thu nhập 6.000.000 đồng/tháng. Nếu ly hôn chị H và cháu Bảo A sẽ về ở nhà bố mẹ đẻ chị tại Cụm 3, thôn Q, xã V, huyện T, Hà Nội để tiện nhờ bố mẹ chị chăm sóc cháu Bảo A. Anh T không quan tâm gì đến con và cũng không có công việc hay thu nhập gì.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Nguyễn Lệ T:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập anh T đến Tòa án tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng anh T không có mặt, không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về việc chị H xin ly hôn anh và xin nuôi con sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Lệ T và giao con chung của anh chị cho chị nuôi dưỡng. Anh chị không có tài sản chung, nhà ở và công nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn là anh Nguyễn Lệ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Để đảm bảo sự ổn định cuộc sống và sự phát triển tâm lý của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Các đương sự không có nên không xem xét.

Chị H phải nộp án phí LHST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Anh Nguyễn Lệ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T.

* Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Lệ T xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp và đăng ký kết hôn ngày 26/07/2016 tại UBND xã T, huyện T, Hà Nội. Chị H yêu cầu ly hôn với anh T vì theo chị hai vợ chồng có mâu thuẫn từ đầu năm 2017, anh T chơi bời không quan tâm đến vợ con, hiện tại anh chị đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy: theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nếu duy trì hôn nhân cũng chỉ gây ức chế, căng thẳng cho các bên mà không đạt được mục đích là duy trì cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H với anh Nguyễn Lệ T.

* Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29/10/2016. Ly hôn, chị H yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị H làm công nhân tại Công ty TNHH VKX thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng. Từ khi ly thân với anh T đến nay chị H về sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị H ở Cụm 3, thôn Q, xã V, huyện T, Hà Nội cháu Bảo A đều do chị nuôi dưỡng chăm sóc. Về phía anh T không đến Tòa án làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nuôi con chung cũng như những tài liệu, chứng cứ chứng minh anh có đủ điều kiện nuôi con. Trên cơ sở đảm bảo quyền lợi mọi mặt, duy trì sự ổn định, phát triển của cháu Bảo A, Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình giao con chung của chị H và anh T cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Chị H xác nhận không có,

không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí LHST theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Lệ T.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thu H nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29/10/2016. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp anh T có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số AA/2012/0008484 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Lệ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chương